

Bên thứ ba toàn cầu dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box



Việt Nam Giá cước Box cho bên thứ ba toàn cầu

Dành cho các lô hàng International Priority Express

(Giá cước không bao gồm các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu)¹

Ngày có hiệu lực: 5 tháng 1 năm 2026

Vui lòng tham khảo Bảng khu vực và Bảng mã vùng để biết phân loại khu vực chi tiết																		
FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	4.531.398	7.116.881	7.180.325	5.940.990	6.959.904	9.875.514	7.669.859	7.710.501	8.937.152	10.080.117	12.472.408	11.282.464	11.235.023	12.142.119	15.741.304	20.508.767	4.531.398	7.116.881
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	7.180.325	5.940.990	6.959.904	9.875.514	7.669.859	7.710.501	8.937.152	10.080.117	12.472.408	11.282.464	11.235.023	12.142.119	15.741.304	20.508.767	11.235.023	12.142.119	15.741.304	
Lô hàng trên 10 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority Express (IPE) mà không có chiết khấu.																		
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	7.824.960	11.027.147	11.903.235	9.168.192	11.514.207	17.425.640	12.990.408	13.237.829	15.345.860	17.656.113	21.050.392	19.287.517	17.976.701	18.303.349	25.855.484	32.332.464	7.824.960	11.027.147
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	11.903.235	9.168.192	11.514.207	17.425.640	12.990.408	13.237.829	15.345.860	17.656.113	21.050.392	19.287.517	17.976.701	18.303.349	25.855.484	32.332.464	17.976.701	18.303.349	25.855.484	
Lô hàng trên 25 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority Express (IPE) mà không có chiết khấu.																		

Chú thích:
¹ Tất cả giá cước không bao gồm tất cả các loại thuế được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại [Phụ phí và thông tin khác](#).

- Ghi chú:
- Giá cước bên thứ ba toàn cầu chỉ dành cho các khách hàng đã đăng ký dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx. Với các khách hàng khác, giá cước xuất khẩu sẽ áp dụng dựa trên quốc gia/vùng lãnh thổ nơi gửi hàng. Để tìm hiểu xem bạn có đủ điều kiện tham gia dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx không, hãy liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của FedEx.
 - Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng.
 - Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
 - Trọng lượng tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box.
 - Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.
 - IPE chỉ có ở các vùng có mã zip đã chọn. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết về nơi nhận hàng.

Bên thứ ba toàn cầu dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box



Việt Nam Giá cước Box cho bên thứ ba toàn cầu

Dành cho các lô hàng International Priority

(Giá cước không bao gồm các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu) ¹

Ngày có hiệu lực: 5 tháng 1 năm 2026

Vui lòng tham khảo Bảng khu vực và Bảng mã vùng để biết phân loại khu vực chi tiết																		
FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	4.315.617	6.777.982	6.838.405	5.658.086	6.628.480	9.405.251	7.304.628	7.343.334	8.511.573	9.600.111	11.878.484	10.745.204	10.700.022	11.563.923	14.991.718	19.532.159	4.315.617	6.777.982
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	6.838.405	5.658.086	6.628.480	9.405.251	7.304.628	7.343.334	8.511.573	9.600.111	11.878.484	10.745.204	10.700.022	11.563.923	14.991.718	19.532.159	10.700.022	11.563.923	14.991.718	
Lô hàng trên 10 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority (IP) mà không có chiết khấu.																		
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	7.452.343	10.502.045	11.336.414	8.731.611	10.965.911	16.595.848	12.371.817	12.607.456	14.615.105	16.815.346	20.047.992	18.369.064	17.120.668	17.431.761	24.624.270	30.792.823	7.452.343	10.502.045
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	11.336.414	8.731.611	10.965.911	16.595.848	12.371.817	12.607.456	14.615.105	16.815.346	20.047.992	18.369.064	17.120.668	17.431.761	24.624.270	30.792.823	17.120.668	17.431.761	24.624.270	
Lô hàng trên 25 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority (IP) mà không có chiết khấu.																		

Chú thích:
¹ Tất cả giá cước không bao gồm tất cả các loại thuế được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại [Phụ phí và thông tin khác](#).

Ghi chú:

- Giá cước bên thứ ba toàn cầu chỉ dành cho các khách hàng đã đăng ký dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx. Với các khách hàng khác, giá cước xuất khẩu sẽ áp dụng dựa trên quốc gia/vùng lãnh thổ nơi gửi hàng. Để tìm hiểu xem bạn có đủ điều kiện tham gia dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx không, hãy liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của FedEx.
- Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng.
- Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
- Trọng lượng tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box.
- Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.